Tên: …….. **Nghe**: ……

Lớp: S2…

Ngày làm bài: Thứ…., ngày…./….

GLOBAL ENGLISH 2
Unit 1: A day at school - Vocabulary 1 & Starters Listening

❖ Mẹo: Phân tích hình ảnh (Picture Analysis)

👉 Trước khi nghe câu hỏi hoặc bài nghe, hãy nhìn kỹ hình ảnh đi kèm. Tập trung vào các chi tiết như:

- **Nhân vật:** Ai trong hình? Họ đang làm gì?
- **Địa điểm:** Hình ảnh xuất hiện ở đâu? Là ngoài trời hay trong nhà?
- **Thời gian:** Có thể xác định được thời gian không? (Ví dụ: sáng, chiều, mùa xuân, mùa hè)
- **Hành động:** Họ đang làm gì trong bức tranh? (Ví dụ: ăn, chơi thể thao, học bài)
  Điều này sẽ giúp con hình dung bối cảnh và dễ dàng hiểu được nội dung bài nghe khi nghe sau đó.

📝 **Ví dụ:**

Trước khi nghe, con hãy nhìn thật kỹ 3 bức tranh:

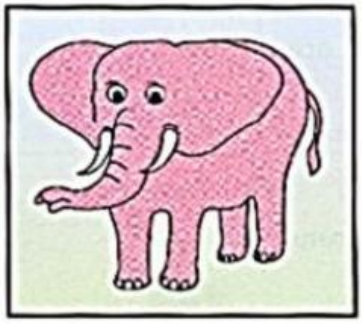
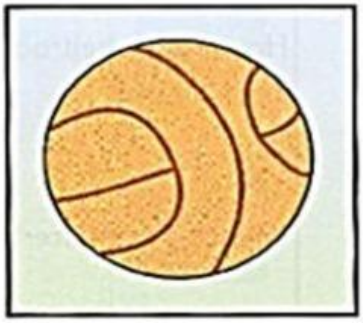

Bức tranh	Đồ vật
Hình 1	a doll
Hình 2	an elephant
Hình 3	a ball

👉 Câu hỏi là: **"What's in Sue's box?"** → Nghĩ xem món nào **có thể để trong hộp** và **thường là đồ chơi**.

❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**glasses** (n)	kính (đeo mắt)	3	**badminton** (n)	môn cầu lông
2	**have a bath** (phr)	tắm bồn, tắm rửa			

**Note: n = noun: danh từ; phr = phrase: cụm từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

LIVEWORKSHEETS

Con nghe bài ở link này: *https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-5_test-1_part-3*

Part 3

– 5 questions –

Listen and tick (✔) the box. There is one example.

What's in Sue's box?

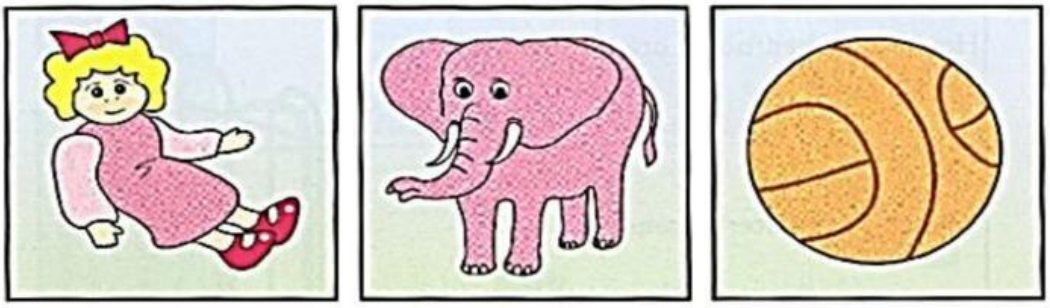

A ☐ B ☐ C ☑

1 What can Nick have?

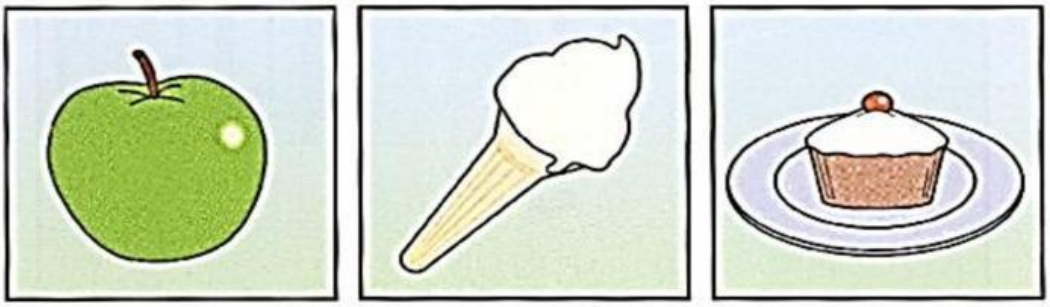

A ☐ B ☐ C ☐

2 Which man is Ann's teacher?

A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS

3 Where's Mum?

A ☐

B ☐

C ☐

4 What's Ben's brother doing?

A ☐

B ☐

C ☐

5 What's Tom's favourite sport?

A ☐

B ☐

C ☐

LIVEWORKSHEETS

Tên: ……... **Từ vựng**: ……

Lớp: S2… **Nghe**: ……

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 1: A day at school - Vocabulary 1 & Starters Listening

A. VOCABULARY

❖ **Classroom objects** *(Vật dụng trong lớp học)*

book (n) quyển sách	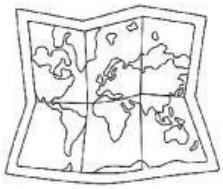 **map** (n) bản đồ	**calendar** (n) lịch	**clock** (n) đồng hồ	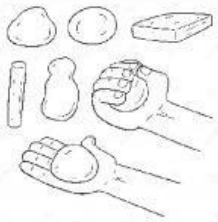 **clay** (n) đất nặn, đất sét
tablet (n) máy tính bảng	**crayon** (n) bút sáp màu	**marker** (n) bút dạ	**paint** (n) sơn, màu	

❖ **Extra vocabulary**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**sausage** (n)	xúc xích	3	**kitchen** (n)	phòng bếp
2	**living room** (n)	phòng khách			

**Note:* *n = noun: danh từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

B. HOMEWORK

Exercise 1. Fill in the blanks to complete the words. *(Điền vào chỗ trống để hoàn thành từ.)*

0.

c l o c k

1.

t ___ b l ___ t

2.

p ___ ___ n t

3.

b ___ ___ k

4.

c ___ l ___ n d ___ r

5.

m ___ r k ___ r

LIVEWORKSHEETS

Exercise 2. Look, read the statements. Circle Yes or No.
(Nhìn tranh, đọc câu. Chọn Đúng hoặc Sai.)

0. It is clay. — Yes (circled) / No

3. It is a crayon. — Yes / No

1. It is a clock. — Yes / No

4. It is a tablet. — Yes / No

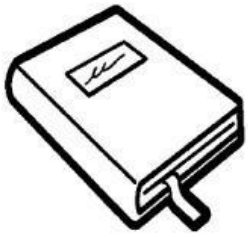

2. It is a book. — Yes / No

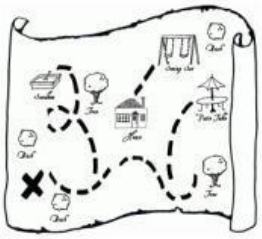

5. It is a calendar. — Yes / No

Exercise 3. Match the words with the correct pictures. *(Nối từ với bức tranh tương ứng.)*

A. paint	~~B. book~~	C. clay	D. clock	E. crayon	F. map

0.	1.	2. 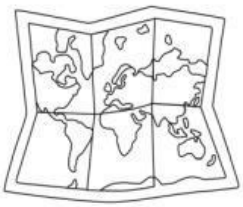
3.	4.	5.

Your answer:

0 - B	1 - _	2 - _	3 - _	4 - _	5 - _

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con nghe bài ở link này: *https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-5_test-2_part-3*

Part 3

– 5 questions –

Listen and tick (✔) the box. There is one example.

Which boy is Tom?

A ☑ B ☐ C ☐

1 What does Bill want for lunch?

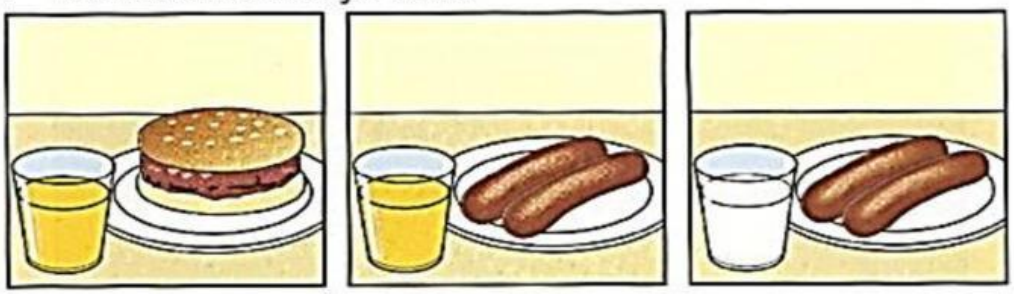

A ☐ B ☐ C ☐

2 What's Pat wearing?

A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS

3 Which is Sam's picture?

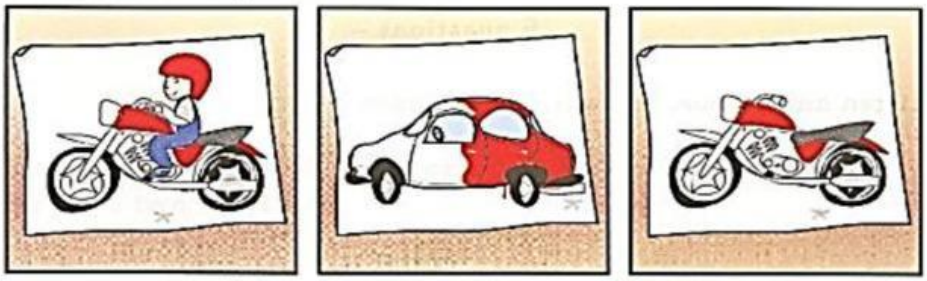

A ☐ B ☐ C ☐

4 What are the children doing?

A ☐ B ☐ C ☐

5 Where is Kim?

A ☐ B ☐ C ☐

SELF-REFLECTION

1. How much do you understand the lesson?

1 2 3 4 5

2. How do you feel after the lesson?

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.
Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

LIVEWORKSHEETS